TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/DS – PT
Ngày 19-9-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Hương;

Ông Nguyễn Tài Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2017/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2017/QĐ – PT ngày 08 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thái L

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Đình H

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông H: bà Nguyễn Thị T – theo văn bản uỷ quyền ngày 10/02/2017 – Có mặt.

Bà Nguyễn Thị Th – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

- *Người làm chứng:* Ông Võ Kỳ M (K M) - Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Trọng K - Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Thái L

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2016 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 22/12/2014 âm lịch (tức ngày 10/02/2015 dương lịch) bà có cho ông Lê Thái L vay số tiền 122.000.000đ, trước đó ông Phan Đình H *(chồng bà)* có hái tiêu thuê cho ông L một ngày tiền công 120.000 đ ông L chưa trả và số tiền trước đây ông L mua rượu của bà còn thiếu 695.000đ. Tổng cộng các khoản là 122.815.000đ, ông L viết gộp vào một giấy vay tiền, lãi suất thoả thuận bằng lời nói là 02%/tháng, không ghi vào giấy vay, hẹn đến ngày 03/3/2015 (âm lịch) sẽ trả, nhưng từ đó đến nay ông L vẫn không trả nợ, mặc dù bà đã đòi rất nhiều lần. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Thái L phải có nghĩa vụ trả cho bà 122.815.000đ. Tại phiên toà sơ thẩm bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 120.000đ, yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Thái L phải có nghĩa vụ trả cho bà 122.695.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Thái L trình bày:

Ông thừa nhận vào ngày 22/12/2014, ông có viết giấy vay tiền của bà Nguyễn Thị T với số tiền 122.815.000đ, nhưng thực tế không nhận tiền. Lý do viết giấy vay số tiền trên là vì vào ngày 25/11/2011, ông có vay của bà T 15.000.000đ, sau đó ông vay tiếp 75.000.000đ, tổng cộng là 90.000.000đ, lãi suất thoả thuận 05%/tháng. Mục đích vay để mua rẫy và đầu tư chăm sóc rẫy, vợ ông cùng thoả thuận vay nhưng không ký vào giấy vay. Đến tháng 3/2013, ông đã trả cho bà T được 110.000.000đ, trong đó tiền gốc 90.000.000đ, tiền lãi 20.000.000đ, còn nợ bà T 52.000.000đ tiền lãi. Ngày 22/12/2014, bà T hẹn ông đến nhà ông Nguyễn Trọng K để chốt công nợ, bà T tính tiền lãi của số tiền 52.000.000đ lên thành 122.815.000đ, do ông Nguyễn Trọng K tính, tại thời điểm tính ông đồng ý với số tiền trên, tự nguyện viết và ký tên vào giấy vay tiền. Nay ông chấp nhận trả cho bà T số tiền trên, nhưng do hoàn cảnh gia đình hiện gặp nhiều khó khăn xin được trả làm 03 năm, tiền lãi tính theo quy định của pháp luật. Yêu cầu bà T xuất trình giấy vay nợ và trả nợ giữa ông L, bà T từ năm 2011 đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Đình H trình bày:

Vào khoảng tháng 11/2014, ông có đi hái tiêu cho ông Lê Thái L một ngày công với số tiền là 120.000đ, nhưng ông L chưa thanh toán, nay ông không yêu cầu ông L phải trả số tiền trên. Ông có biết bà T cho ông L vay số tiền 122.815.000đ, nhưng ông không liên quan, đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị Th (vợ ông L): Quá trình giải quyết Toà án đã nhiều lần triệu tập bà Th đến làm việc, nhưng đều vắng mặt không có lý do, Toà án xét xử vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2017/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc ông Lê Thái L phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 147.565.000đ, trong đó 122.695.000đ tiền gốc, 24.600.000đ tiền lãi.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền các đương sự chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/8/2017, ông Lê Thái L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thái L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thái L, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Quá trình giải quyết, ông L thừa nhận giấy vay tiền ngày 22/12/2014 là do ông viết và ký với tư cách là người vay tiền và ông K M ký với tư cách là người

làm chứng (BL 67). Ông L cho rằng ông không được nhận số tiền 122.815.000đ, do trước đây ông còn nợ bà T 52.000.000đ tiền lãi chưa trả, nên bà T đã tính gốc và lãi của số tiền 52.000.000đ lên thành 122.815.000đ, do ông Nguyễn Trọng K trực tiếp tính, bà T yêu cầu ông viết lại giấy vay tiền. Tuy nhiên, ông không có chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của ông là có căn cứ, lời khai của ông cũng không được bà T thừa nhận. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong trong hồ sơ, quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Mặt khác, lời khai của ông Nguyễn Trọng K thể hiện: không có việc ông tính tiền lãi cho bà T, ông chỉ chứng kiến việc ông L viết giấy vay số tiền 122.815.000đ, hai bên thoả thuận giao tiền với nhau như thế nào thì ông không biết (BL 86). Lời khai của ông Võ Kỳ M thể hiện: Ông chỉ biết theo giấy tờ ông L có vay bà T 122.815.000đ, còn việc hai bên giao tiền và thoả thuận với nhau như thế nào thì ông không biết. Vào ngày 03/11/2016, ông L có vào nhà nhờ ông xác nhận về việc ông L có vay bà T 122.815.000đ, do bận công việc nên ông đã đồng ý viết theo nội dung ông L đọc như giấy xác nhận. Ông cam đoan chỉ làm chứng về việc vào ngày 22/12/2014 ông L có vay của bà T 122.815.000đ, các bên tính lãi như thế nào thì ông không biết (BL 26). Quá trình giải quyết ông L thừa nhận còn nợ bà T số tiền 122.815.000đ, ông đồng ý trả nợ nhưng hiện tại hoàn cảnh đang gặp khó khăn xin trả trong thời hạn 03 năm, lãi suất tính theo pháp luật (BL 18, 30).

[3]. Đối với số tiền lãi ông L kháng cáo cho rằng trong giấy vay không tính lãi suất, nhưng Toà án cấp sơ thẩm tính lãi là không phù hợp. HĐXX xét thấy, giấy vay tiền đề ngày 22/12/2014 (tức ngày 10/02/2015), ông L có vay của bà T 122.815.000đ, hẹn đến ngày 03/3/2015 âm lịch (tức ngày 21/4/2015) sẽ trả, trong giấy vay không thể hiện lãi suất, do đó Toà án cấp sơ thẩm không buộc ông phải trả tiền lãi trong thời hạn vay, quá hạn ông không trả nợ cho bà T nên phải chịu lãi suất chậm trả quy định tại khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 là có căn cứ.

[4]. Ông L cho rằng số tiền trong giấy vay là 122.815.000đ, không phải số tiền 122.695.000đ. Xét thấy, đơn khởi kiện bà T yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông L phải trả số tiền 122.185.000đ. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm bà T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông L phải có nghĩa vụ trả cho bà 122.695.000đ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật (BL 131). Dó đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông phải trả cho bà T số tiền 122.695.000đ là phù hợp. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án Toà án cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ xét xử đối với số tiền 120.000đ bà T đã rút là có phần thiếu sót, nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị, nên cần nêu lên để rút kinh nghiệm.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tại phiên toà là có căn cứ.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thái L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Thái L phải chịu 300.000đ, được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí ông L đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thái L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Lê Thái L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T 147.565.000đ *(Một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*, trong đó có 122.695.000đ *(Một trăm hai mươi hai triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* tiền gốc và 24.600.000đ *(Hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng)* tiền lãi.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự trong giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Thái L phải nộp 7.378.000đ *(Bảy triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng)*. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T 3.071.000đ *(Ba triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn đồng)* tạm ứng án phí DSST đã nộp, theo biên lai số 0002337 ngày 21/06/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

3. Về án phí Dân sự phúc thẩm: Ông Lê Thái L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số 0004882, ngày 14/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- TAND Cấp cao tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phạm Thị Thông

.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Hương **Nguyễn Tài Sử** **Phạm Thị Thông**